



ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2020

PHẦN V

TUYỂN SINH ĐẠI HỌC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC

1. Phương thức, chỉ tiêu và thời gian tuyển sinh:

1.1. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

1.2. Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2020

TT	Các ngành đào tạo trình độ đại học	ĐH VLVH	Văn bằng 2 VLVH	Liên thông VLVH
1	Nhóm ngành I	-	-	-
2	Nhóm ngành II	-	-	-
	Nhóm ngành III	190	190	100
	Ngành Luật	100	100	70
3	Ngành Luật kinh tế	30	30	-
	Ngành Kế toán	30	30	30
	Ngành Quản trị kinh doanh	30	30	-
4	Nhóm ngành IV	-	-	-
5	Nhóm ngành V	60	60	90
	Ngành Công nghệ thông tin	30	30	50
	Ngành CN KT Điện tử - Viễn thông	30	30	40
6	Nhóm ngành VI	-	-	-
7	Nhóm ngành VII	50	100	60
	Ngành Ngôn ngữ Anh	50	100	60
	Tổng số	300	350	250

Ghi chú: Chỉ tiêu tuyển sinh có thể điều chỉnh giữa các ngành/nhóm ngành tùy theo điều kiện tuyển sinh thực tế.

1.3. Phạm vi tuyển sinh: Trường tuyển sinh trên toàn quốc.

1.4. Thời gian tuyển sinh:

TT	Chương trình đào tạo	Thời gian xét tuyển
1	Văn bằng 1	
2	Văn bằng 2	
3	Liên thông từ Trung cấp chuyên nghiệp/Trung cấp nghề lên ĐH	Vào các tháng 3, 6, 9 và 12
4	Liên thông từ Cao đẳng/Cao đẳng nghề lên ĐH	

Trong trường hợp đặc biệt, có thể tổ chức xét tuyển nhiều hơn 04 lần/năm.

2. Điều kiện dự tuyển

2.1. Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế, có đủ các điều kiện dưới đây đều được tham dự dự tuyển ĐH hình thức VLVH:

a. Đã tốt nghiệp:

TT	Chương trình đào tạo	Thời gian đào tạo	Đã tốt nghiệp
1	Văn bằng 1	4 năm	Có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
2	Văn bằng 2	2-2,5 năm	Có bằng tốt nghiệp Đại học
3	Liên thông từ Trung cấp chuyên nghiệp/Trung cấp nghề lên ĐH	3 năm	Có bằng tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp/Trung cấp nghề
4	Liên thông từ Cao đẳng/Cao đẳng nghề lên ĐH	1,5-2 năm	Có bằng tốt nghiệp Cao đẳng/Cao đẳng nghề

b. Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành. Đối với những người tàn tật, khuyết tật, tuỳ tình trạng sức khoẻ và yêu cầu của ngành học, Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho dự tuyển.

c. Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các giấy tờ hợp lệ và lệ phí đăng ký xét tuyển.

2.2. Những người không đủ các điều kiện kể trên và những người thuộc diện dưới đây không được tham gia xét tuyển:

- a. Không chấp hành Luật Nghĩa vụ quân sự; đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang trong thời kỳ thi hành án hình sự;
- b. Những người bị tước quyền dự thi tuyển sinh hoặc bị kỷ luật buộc thôi học chưa đủ thời hạn quy định tính từ ngày ký quyết định kỷ luật đến ngày xét tuyển;
- c. Quân nhân hoặc công an nhân dân tại ngũ chưa được thủ trưởng cơ quan cho phép đi học.

3. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

3.1. Chính sách ưu tiên theo đối tượng

a. Nhóm ưu tiên 1 (UT1) gồm các đối tượng:

- Đối tượng 01: Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú (trong thời gian học THPT hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại Khu vực 1;
- Đối tượng 02: công nhân trực tiếp sản xuất đã làm việc liên tục 60 tháng trở lên, trong đó có ít nhất 2 năm là chiến sĩ thi đua, được cấp tỉnh trở lên công nhận và cấp bằng khen;
- Đối tượng 03:

+ Người lao động thuộc tất cả các thành phần kinh tế được từ cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, bộ trở lên công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, người được cấp bằng hoặc huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

hoặc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh;

- Đối tượng 04:

+ Thương binh, bệnh binh, người được hưởng chính sách như thương binh;

+ Quân nhân, công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại Khu vực 1;

+ Quân nhân, công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên;

+ Quân nhân, công an nhân dân hoàn thành nghĩa vụ đã xuất ngũ có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên;

- Đối tượng 05:

+ Con liệt sĩ;

+ Con thương binh hoặc con bệnh binh mất sức lao động 81% trở lên;

+ Con của người được hưởng chính sách như thương binh mất sức lao động 81% trở lên;

+ Con của Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động;

+ Con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa 19/8/1945;

+ Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học;

+ Công nhân viên chức có thời gian làm việc liên tục từ 24 tháng trở lên tại khu vực 1;

b. Nhóm ưu tiên 2 (UT2) gồm các đối tượng:

- Đối tượng 06:

+ Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học;

+ Quân nhân, công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 18 tháng không ở Khu vực 1;

+ Công nhân viên chức có thời gian làm việc liên tục từ 24 tháng trở lên không ở Khu vực 1.

- Đối tượng 07:

+ Con thương binh hoặc con bệnh binh mất sức lao động dưới 81%;

+ Con của người được hưởng chính sách như thương binh mất sức lao động dưới 81%;

Thời hạn tối đa được hưởng ưu tiên đối với quân nhân, công an phục viên, xuất ngũ, chuyển ngành dự thi là 18 tháng kể từ ngày ký quyết định xuất ngũ đến ngày dự thi; Người có nhiều diện ưu tiên theo đối tượng chỉ được hưởng một diện ưu tiên cao nhất; Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa hai nhóm đối tượng ưu tiên kế tiếp là 01 điểm.

3.2. Chính sách ưu tiên theo khu vực:

a. Ưu tiên khu vực được xác định theo nơi làm việc hoặc theo nơi học và tốt nghiệp trung học:

- Người có thời gian làm việc liên tục từ 24 tháng trở lên tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó hoặc theo nơi học và tốt nghiệp trung học trước khi đi làm việc, tùy theo khu vực nào có mức ưu tiên theo khu vực

vực cao hơn;

- Người học liên tục và tốt nghiệp trung học tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó. Nếu trong 3 năm học trung học có chuyển trường thì thời gian học ở khu vực nào lâu hơn được hưởng ưu tiên theo khu vực đó. Nếu mỗi năm học một trường hoặc nửa thời gian học ở trường này, nửa thời gian học ở trường kia thì tốt nghiệp ở khu vực nào, hưởng ưu tiên theo khu vực đó;

b. Các khu vực tuyển sinh được phân chia như sau:

- Khu vực 1 (KV1) gồm:

Các địa phương thuộc miền núi, vùng cao, vùng sâu, hải đảo, trong đó có các xã thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ;

- Khu vực 2- nông thôn (KV2 - NT) gồm:

Các xã, thị trấn không thuộc KV1, KV2, KV3.

- Khu vực 2 (KV2) gồm:

Các thành phố trực thuộc tỉnh (không trực thuộc Trung ương); các thị xã; các huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc Trung ương.

- Khu vực 3 (KV3) gồm: các quận nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương. Thí sinh thuộc KV3 không thuộc diện hưởng ưu tiên khu vực.

Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa hai khu vực kế tiếp là 0,25 điểm.

4. Hồ sơ và thủ tục đăng ký xét tuyển

4.1. Hồ sơ đăng ký xét tuyển (ĐKXT) bao gồm:

a. Phiếu đăng ký xét tuyển, sơ yếu lý lịch (theo mẫu);

b. Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đổi tượng ưu tiên (nếu có);

c. Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp THPT hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời THPT hoặc tương đương (đối với những người xét tuyển ngay trong năm tốt nghiệp), bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp Trung cấp, Trung cấp nghề, Cao đẳng, Cao đẳng nghề hoặc Đại học;

d. Bản sao hợp lệ học bạ THPT hoặc tương đương, bảng điểm Trung cấp, Trung cấp nghề, Cao đẳng, Cao đẳng nghề hoặc Đại học;

e. Bản sao hợp lệ giấy khai sinh;

g. 02 phong bì dán sẵn tem và ghi rõ địa chỉ liên lạc của thí sinh.

h. 04 ảnh (4x6)

Thí sinh tải hồ sơ tại địa chỉ <https://tuyensinh.hou.edu.vn/>

4.2. Thủ tục ĐKXT:

a. Thí sinh nộp hồ sơ ĐKXT và lệ phí ĐKXT cho Trường chậm nhất một tháng trước ngày xét tuyển;

b. Sau khi nộp hồ sơ ĐKXT, nếu có sự thay đổi về gia đình hoặc bản thân, thí sinh có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Trường và trước ngày xét tuyển phải nộp bổ sung đầy đủ giấy tờ;

c. Đối với lớp mở tại Trường thí sinh nộp 01 bộ hồ sơ ĐKXT; đối với lớp đặt tại địa phương thí sinh nộp 2 bộ hồ sơ ĐKXT (1 bộ lưu tại trường và 1 bộ lưu tại cơ sở đặt lớp).

5. Nguyên tắc xét tuyển

5.1. Căn cứ xét tuyển:

Khi xét tuyển thí sinh, Trường căn cứ vào các căn cứ sau để xét tuyển đối với từng chương trình đào tạo:

TT	Chương trình đào tạo	Căn cứ xét tuyển
1	Văn bằng 1	<p>Sử dụng các môn văn hóa trong tổ hợp xét tuyển bằng cách nộp học bạ THPT với yêu cầu là điểm trung bình của từng môn học trong tổ hợp các môn dùng để xét tuyển hoặc điểm trung bình chung của các môn học dùng để xét tuyển cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực không nhỏ hơn 5,0. Điểm trung bình của các môn học tham gia xét tuyển là điểm trung bình cả năm lớp 12 của môn học đó. Tổ hợp xét tuyển dựa vào các tổ hợp xét tuyển của đại học chính quy hàng năm.</p> <p>Nếu thí sinh không đạt điều kiện về xét theo học bạ thì có thể đăng ký tham dự kiểm tra, đánh giá năng lực đầu vào do Trường tổ chức.</p>
2	Văn bằng 2	Căn cứ vào bằng đại học thứ nhất
3	Liên thông từ Trung cấp chuyên nghiệp/Trung cấp nghề lên ĐH	Căn cứ vào bằng Trung cấp chuyên nghiệp, Trung cấp nghề
4	Liên thông từ cao đẳng /Cao đẳng nghề lên ĐH	Căn cứ vào bằng Cao đẳng, Cao đẳng nghề

5.2. Nguyên tắc xét tuyển:

a. Đối với Văn bằng 1:

- Xét tuyển lần lượt theo điểm xét tuyển (bao gồm cả điểm ưu tiên) từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.

- Nếu ở mức điểm trung tuyển có nhiều thí sinh bằng điểm nhau dẫn đến vượt chỉ tiêu thì ưu tiên thí sinh có kết quả môn Toán/Ngoại ngữ năm lớp 12 cao hơn.

- Các môn học trong tổ hợp xét tuyển phải có kết quả lớn hơn 1,0 (một) điểm hoặc Bài kiểm tra, đánh giá phải có kết quả không thấp hơn 5,0 (năm) điểm.

b. Đối với Văn bằng 2 và Liên thông:

Nếu số thí sinh ĐKXT nhiều hơn chỉ tiêu thì ưu tiên thí sinh có Điểm trung bình tốt nghiệp ở chương trình Trung cấp/Cao đẳng/Đại học cao hơn.

6. Diện trúng tuyển

Những thí sinh có đủ các điều kiện xét tuyển, đáp ứng nguyên tắc xét tuyển do Trường quy định cho từng đối tượng, theo từng khu vực thì thuộc diện trúng tuyển.

7. Điểm trúng tuyển

7.1. Chương trình đào tạo văn bằng 1.

a. Khung điểm ưu tiên: Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa hai nhóm đối tượng ưu tiên kế tiếp là 1,0 điểm; giữa hai khu vực kế tiếp là 0,5 điểm;

b. Điểm xét tuyển tối thiểu: Là điểm trung bình các môn tham gia xét tuyển (gồm cả điểm ưu tiên) $\geq 5,0$.

Hội đồng tuyển sinh sẽ xem xét quyết định phương án điểm trúng tuyển và xét tuyển từ điểm cao xuống để tuyển đủ chỉ tiêu được giao.

7.2. Chương trình đào tạo văn bằng 2, liên thông: Căn cứ vào văn bằng tốt nghiệp Trung cấp, Trung cấp nghề, Cao đẳng, Cao đẳng nghề hoặc Đại học.

8. Địa điểm đào tạo

Địa điểm đào tạo VLVH là Trường và các cơ sở liên kết đào tạo VLVH với Trường.

Cơ sở liên kết đào tạo VLVH là cơ sở giáo dục trực tiếp tham gia phối hợp/đặt lớp với Trường. Cơ sở liên kết đào tạo gồm: cơ sở giáo dục đại học; cơ sở giáo dục nghề nghiệp; trường của cơ quan nhà nước; trường của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; trường của lực lượng vũ trang nhân dân; trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh.

9. Thời gian đào tạo

Trường Đại học Mở Hà Nội tổ chức đào tạo theo tín chỉ, thiết kế thành khóa học, năm học và học kỳ. Khóa học VLVH dài hay ngắn tùy theo năng lực và điều kiện cụ thể của sinh viên và có thể rút ngắn hoặc kéo dài như sau:

Chương trình đào tạo	Thời gian đào tạo theo qui định	Thời gian tối thiểu hoàn thành CTĐT	Thời gian tối đa hoàn thành CTĐT
Đại học	4 năm	3 năm	8 năm
Liên thông TC-ĐH	2,5 - 3 năm	2 năm	6 năm
Liên thông CĐ-ĐH	1,5 - 2 năm	1 năm	4 năm
Văn bằng 2	2 - 2,5 năm	1,5 năm	5 năm

10. Lê phí xét tuyển và học phí:

- Lê phí xét tuyển: **100.000đ/thí sinh**
- Lê phí xét miễn học phần: **100.000 đ/học phần**
- Học phí: Theo quy định hiện hành của Trường Đại học Mở Hà Nội. Cụ thể các ngành:

Ngành	Năm học 2020-2021		Năm học 2021-2022	
	Mức học phí 1 năm	Mức học phí 1 tín chỉ	Mức học phí 1 năm	Mức học phí 1 tín chỉ
Công nghệ thông tin				
Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	17,500,000	464,000	19,250,000	510,000
Ngôn ngữ Anh				
Ngôn ngữ Trung Quốc				
Kế toán				
Quản trị kinh doanh	14,685,000	414,000	16,150,000	455,000
Luật kinh tế				
Luật				

Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2020

Cán bộ kê khai

Nguyễn Tuân
Số ĐT: 0984624368
Email: nguyentuan1981@hou.edu.vn



Trương Tiến Tùng